

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NÂNG CAO MÔN TIẾNG ĐỨC

(Kèm theo Thông tư số /TT-BGDĐT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

PHẦN I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	3
PHẦN 2. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NÂNG CAO	3
I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NÂNG CAO	3
II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ THỜI LƯỢNG GIẢNG DẠY	4
1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung	4
2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù	5
3. Thời lượng giảng dạy nội dung giáo dục nâng cao	7
III. NỘI DUNG GIÁO DỤC NÂNG CAO MÔN HỌC	7
IV. TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	27
1. Phương pháp, hình thức, phương tiện dạy học.....	27
2. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập của học sinh.....	28
V. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	29

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NÂNG CAO MÔN TIẾNG ĐỨC TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN

PHẦN I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Chương trình giáo dục nâng cao các môn chuyên nhằm mục đích phát triển năng khiếu về môn học, tạo nguồn đào tạo nhân tài. Chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Đức hướng tới phát triển năng khiếu của học sinh đối với môn Tiếng Đức trên cơ sở đảm bảo giáo dục phổ thông toàn diện; Giúp học sinh có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học và sáng tạo; Giáo dục các em thành người có lòng yêu nước, tinh thần vượt khó, tự hào, tự tôn dân tộc; Giúp học sinh có sức khỏe tốt để tiếp tục đào tạo thành nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

2. Chương trình giáo dục nâng cao các môn chuyên kế thừa, nâng cao từ nội dung chương trình môn học quy định tại Chương trình giáo dục phổ thông

Chương trình giáo dục nâng cao môn học hệ thống hoá, nâng cao kiến thức, phát triển kỹ năng và giá trị cốt lõi của học sinh đã được học từ Chương trình giáo dục phổ thông nhằm phát triển năng khiếu của học sinh đối với từng môn chuyên.

3. Nội dung giáo dục môn chuyên tại trường trung học phổ thông chuyên bao gồm nội dung chương trình môn học được ban hành tại Chương trình giáo dục phổ thông và chương trình giáo dục nâng cao môn học.

Thời lượng dành cho nội dung giáo dục nâng cao các môn chuyên tại trường THPT chuyên: môn Tiếng Đức (70 tiết).

PHẦN 2. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NÂNG CAO MÔN TIẾNG ĐỨC

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NÂNG CAO

Chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Đức dành cho học sinh đạt kết quả xuất sắc trong học tập nhằm phát triển năng khiếu về môn học trên cơ sở bảo đảm giáo dục phổ thông toàn diện, tạo nguồn đào tạo nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước; đồng thời cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung đã được hình thành trong giai đoạn giáo dục cơ bản, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước; thái độ ứng xử đúng đắn với môi trường tự nhiên, xã hội; khả năng tự học, nghiên cứu khoa học và sáng tạo, khả năng định hướng nghề nghiệp.

Tổng thời lượng dành cho chương trình dạy và học tiếng Đức ở các trường THPT Chuyên là 525 tiết, trong đó dành 315 tiết để học sinh tiếng Đức đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam (KNLNNVN), tức là hoàn thành yêu cầu bắt buộc

được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Đức - Ngoại ngữ 1 của Bộ GD&ĐT. Toàn bộ Chương trình giáo dục môn tiếng Đức dành cho các trường THPT Chuyên có thể chia thành 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: tập trung vào những nội dung cốt lõi để hoàn thành chương trình giáo dục tiếng Đức hệ 10 năm theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Đức - Ngoại ngữ 1.

- Giai đoạn 2: tập trung vào những nội dung chuyên sâu với 5 chuyên đề là: Nghe, Nói, Đọc, Viết và Chuyển ngữ chức năng.

Mục tiêu môn Tiếng Đức ở các trường THPT Chuyên có thể khái lược như sau:

Sau khi kết thúc giai đoạn 1 (nội dung Cốt lõi), học sinh tiếng Đức đạt được trình độ tiếng Đức bậc 3 theo KNLNNVN, tương đương với bậc B1 theo Khung Tham chiếu chung Châu Âu về ngôn ngữ CEFR (cụ thể xem Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Đức - Ngoại ngữ 1 của Bộ GD&ĐT).

Sau khi kết thúc giai đoạn 2 (nội dung Chuyên sâu), học sinh tiếng Đức đạt được trình độ tiếng Đức bậc 4 theo KNLNNVN, tương đương với bậc B2 theo Khung Tham chiếu chung Châu Âu về ngôn ngữ CEFR. Cụ thể:

- Củng cố và tiếp tục phát triển những kiến thức cơ bản về tiếng Đức đã lĩnh hội được và sử dụng tiếng Đức như một công cụ giao tiếp hiệu quả, tự tin trong những tình huống giao tiếp liên ngữ và liên văn hóa, trong những bối cảnh giao tiếp rộng hơn liên quan đến những vấn đề văn hóa, xã hội như giao tiếp trong lĩnh vực kinh tế, hành chính, v.v.; có vốn từ ngữ, phương tiện ngôn ngữ rộng và sử dụng được chúng một cách hiệu quả để phân tích, diễn giải, lập luận liên quan đến những vấn đề nêu lên trong lĩnh vực khoa học, văn hóa, văn học, truyền thông, v.v.

- Học sinh có được những kiến thức sâu rộng về văn hoá – xã hội, về nhân sinh quan, thế giới quan của con người các quốc gia nói tiếng Đức, từ đó yêu thích tiếng Đức và tích cực áp dụng những phương pháp, chiến lược học tập được trang bị để tự học tiếng Đức hoặc ngoại ngữ khác chuẩn bị cho nhu cầu phát triển bản thân và nghề nghiệp ở những giai đoạn sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ THỜI LƯỢNG GIẢNG DẠY

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Đức dành cho học sinh trường trung học phổ thông chuyên góp phần hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại nội dung dạy học tổng thể; đó là phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, tự chủ và tự học và các năng lực cốt lõi và đặc thù ở mức độ cao, phù hợp với học sinh trường chuyên.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Đức dành cho học sinh trường trung học phổ thông chuyên góp phần hình thành và phát triển cho học sinh các năng lực đặc thù liên quan đến các lĩnh vực sau:

- Năng lực giao tiếp chức năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết, Chuyển ngữ chức năng và vốn từ ngữ, cấu trúc);
- Năng lực giao tiếp liên văn hóa;
- Năng lực về văn bản và phương tiện truyền thông;
- Năng lực học ngôn ngữ;
- Ý thức về ngôn ngữ.

Yêu cầu cần đạt đối với từng lĩnh vực có thể khái lược như sau:

2.1. Năng lực giao tiếp chức năng

- Nghe hiểu/ Nghe nhìn: Học sinh hiểu được những ngôn bản phức hợp và những chương trình phát thanh, truyền hình thực tế ngay cả khi người trình bày sử dụng những từ ngữ, cấu trúc không thật thông dụng hoặc nói nhanh.

- Đọc hiểu: Học sinh hiểu được những văn bản có độ phức hợp cao thuộc nhiều thể loại về những chủ đề, nội dung có tính trừu tượng, ít quen thuộc.

- Nói (tương tác/ hội thoại): Học sinh tham gia được vào các cuộc thoại một cách tự nhiên, phù hợp với tình huống và đối tượng giao tiếp dù cho chủ đề của cuộc thoại có tính trừu tượng, ít quen thuộc.

- Nói (độc thoại): Học sinh trình bày được một cách mạch lạc, phù hợp với tình huống và đối tượng giao tiếp về những chủ đề, nội dung trừu tượng, ít quen thuộc.

- Viết: Học sinh soạn thảo được những văn bản mạch lạc, phù hợp với ý định và đối tượng giao tiếp về nhiều chủ đề, nội dung khác nhau, kể cả những chủ đề trừu tượng, ít quen thuộc.

- Chuyển ngữ chức năng: Bằng cách sử dụng một ngôn ngữ khác ở dạng văn nói và văn viết, học sinh biểu đạt được những nội dung, ý định thông báo cốt lõi của các ngôn bản ở dạng văn nói và văn viết về những chủ đề quen thuộc để đạt được một mục đích nhất định, phù hợp với tình huống, bối cảnh và đối tượng giao tiếp.

- Vốn từ ngữ, cấu trúc: Học sinh sử dụng được một phổ rộng những từ ngữ, phương tiện tu từ một cách linh hoạt, thành thạo và phù hợp để xử lý được các tình huống giao tiếp dưới dạng văn nói hoặc văn viết. Một số lệch chuẩn xuất hiện không gây tác động

ng nghiêm trọng đến hoạt động giao tiếp.

2.2. Năng lực giao tiếp liên văn hóa

Trong các tình huống giao tiếp liên văn hóa như trong các cuộc gặp gỡ tiếp xúc trực tiếp với những thành viên của cộng đồng các quốc gia nói tiếng Đức hoặc tiếp xúc gián tiếp với các ngôn bản hoặc phương tiện truyền thông sử dụng tiếng Đức, học sinh biết cách ứng xử tự tin và linh hoạt. Học sinh nhận diện được những tình huống, trạng thái, những cách ứng xử đặc trưng văn hóa và chú ý đến những quy ước và khác biệt về văn hóa trong giao tiếp.

2.3. Năng lực về văn bản và phương tiện truyền thông

Học sinh hiểu được, phân tích, lý giải được một phổ rộng những văn bản thực, có tính phức hợp cao về những chủ điểm khác nhau, ít quen thuộc, đồng thời sản sinh được những ngôn bản ở cả dạng văn nói và văn viết. Trong quá trình tiếp nhận và sản sinh văn bản, học sinh biết chú tâm đến tình hình hướng giao tiếp cũng như những đặc điểm chủ đạo và đặc trưng văn hóa theo loại hình văn bản. Học sinh áp dụng được nhiều phương pháp khác nhau, có tính mục đích rõ ràng để phân tích hoặc sản sinh văn bản.

2.4. Năng lực học ngôn ngữ

Trên cơ sở những kiến thức, năng lực đã lĩnh hội được trong quá trình học ngoại ngữ, học sinh biết cách tự mở rộng, phát triển các năng lực ngôn ngữ của mình, áp dụng được nhiều chiến lược, phương cách và kỹ thuật khác nhau để tự học và cùng học tiếng với những người có cùng mối quan tâm.

2.5. Ý thức về ngôn ngữ

Học sinh sử dụng được những hiểu biết sâu rộng của mình về cấu trúc tiếng Đức cũng như những kiến thức về các ngôn ngữ khác để xử lý được một cách tự nhiên, tự tin và dễ hiểu trong những tình huống, quá trình giao tiếp ở dạng văn nói cũng như văn viết.

Phần trình bày trên đã khái quát những yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù đối với môn Tiếng Đức ở các trường THPT Chuyên. Khung nội dung dạy học chuyên sâu này cho phép các trường THPT Chuyên có dạy tiếng Đức tự xây dựng kế hoạch dạy học sao cho phù hợp, cụ thể đảm bảo tuân thủ một số nguyên tắc sau:

- Hoàn thành Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Đức - Ngoại ngữ 1 do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành.
- Khả thi trong kế hoạch giáo dục chung của Nhà trường.
- Nhà trường, tùy điều kiện đầu vào của học sinh, tùy điều kiện nguồn lực, có thể chủ động, linh hoạt điều tiết trong tổng thời lượng dành cho môn học để đạt được yêu cầu đặt ra đối với môn học.

- Các chuyên đề chuyên sâu được mô tả tách riêng cho dễ theo dõi. Việc tổ chức thực hiện giảng dạy các chuyên đề theo hướng tách riêng từng chuyên đề hay tích hợp các chuyên đề với nhau hoàn toàn do các cơ sở giáo dục tự cân nhắc và quyết định. Điều đó cũng tương tự đối với hoạt động kiểm tra, đánh giá. Cơ sở đào tạo tự cân nhắc và quyết định cách thức kiểm tra, đánh giá đối với các chuyên đề chuyên sâu, ví dụ kiểm tra, đánh giá toàn bộ 5 chuyên đề chuyên sâu là Nói, Nghe, Đọc, Viết, Chuyển ngữ chức năng hay chỉ lựa chọn kiểm tra, đánh giá một số chuyên đề.

3. Thời lượng giảng dạy nội dung giáo dục nâng cao

Thực hiện chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Đức với tổng thời lượng 210 tiết cho toàn cấp học. Cụ thể:

- Kỹ năng Nghe
- Kỹ năng Nói (hội thoại và độc thoại)
- Kỹ năng Đọc
- Kỹ năng Viết
- Kỹ năng Chuyển ngữ chức năng (CNCN)

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC NÂNG CAO MÔN HỌC

Chương trình giáo dục nâng cao môn Tiếng Đức gồm nội dung giáo dục nâng cao bắt buộc. Cụ thể:

Nội dung giáo dục nâng cao bắt buộc

1. Mạch nội dung nâng cao

Tên các chuyên đề dạy học

Tổ hợp chuyên đề 1: Nghe - Nói - Đọc - Viết - Chuyển ngữ chức năng (HKII Lớp 11)

Tổ hợp chuyên đề 2: Nghe - Nói - Đọc - Viết - Chuyển ngữ chức năng (HKI Lớp 12)

Tổ hợp chuyên đề 3: Nghe - Nói - Đọc - Viết - Chuyển ngữ chức năng (HKII Lớp 12)

2. Nội dung các chuyên đề

Tổ hợp chuyên đề 1:

TT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
-----------	-----------------	------------------------	----------------

1	Chuyên đề 1: Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được chủ đề, ý chính và một số nội dung chi tiết trong các cuộc thoại về cuộc sống (ví dụ: các phương tiện truyền thông, âm nhạc, tiền bạc, giáo dục v.v.) khi người tham thoại trình bày rõ ràng, sử dụng ngôn ngữ chuẩn hay phương ngữ thông dụng. - Hiểu được các ý chính và một số nội dung chi tiết của các chương trình điểm tin trên các phương tiện truyền thông và những nội dung những cuộc phỏng vấn, phóng sự, phim hoạt hình, phim quảng cáo, phim ngắn có hình ảnh minh họa cho cốt truyện, được diễn đạt rõ ràng và sử dụng ngôn ngữ đơn giản. – Hiểu được ý chính những cuộc trao đổi về nội dung có tính chuyên ngành nếu nội dung đó được diễn đạt bằng một ngôn ngữ phù hợp, rõ ràng, mạch lạc. - Hiểu và làm theo được các chỉ dẫn, như hướng dẫn sử dụng thiết bị thông dụng, thông báo nơi công cộng, hướng dẫn các kiểu nhảy theo nhóm v.v. – Hiểu dàn ý và một số nội dung chi tiết các bài nói, thuyết trình ngắn, đơn giản về chủ đề quen thuộc nếu người nói diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, sử dụng ngôn ngữ chuẩn, thông dụng. 	
2	Chuyên đề 2: Nói	<p>Đặc tả tổng quát cho kỹ năng nói độc thoại:</p> <p>Có thể giao tiếp một cách tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm của bản thân; có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, giải thích vấn đề nảy sinh; có thể trình bày ý kiến về các chủ đề văn hóa như phim ảnh, sách báo, âm nhạc, v.v.; có thể tham gia đàm thoại về các chủ đề quen thuộc mà không cần chuẩn bị, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích cá nhân, học tập, công việc hoặc cuộc sống hằng ngày.</p> <p>– <i>Nói độc thoại: Miêu tả kinh nghiệm bản thân</i></p> <p>Có thể miêu tả hoặc trình bày được các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực bản thân quan tâm; có thể thuật lại chuyện một cách tương đối trôi chảy hoặc có thể miêu tả đơn giản dưới dạng chuỗi các sự kiện; có thể thuật lại được một cách chi tiết các trải nghiệm và cảm xúc của bản thân; có thể thuật lại được các điểm chính của một sự kiện ngẫu nhiên</p>	

		<p>(ví dụ: cuộc gặp với bạn bè); có thể kể lại được nội dung một cuốn sách hoặc những tình tiết nhất định của một bộ phim và nói về cảm xúc của mình; có thể kể về ước mơ, hy vọng, về một sự việc có thật hoặc giả tưởng, v.v.</p> <p>– <i>Nói độc thoại: Lập luận</i></p> <p>Có thể triển khai được lập luận về một chủ đề cho trước tương đối rõ ràng mà không gặp quá nhiều khó khăn (ví dụ: trình bày quan điểm cá nhân về việc bố mẹ có nên cho con tiền tiêu vặt hàng tháng); có thể củng cố được quan điểm của mình bằng những lập luận và các ví dụ minh họa thích hợp; có thể tạo ra những chuỗi lập luận hợp lý.</p> <p>– <i>Nói độc thoại: Thuyết trình</i></p> <p>Có thể trình bày được một bài thuyết trình đơn giản, có chuẩn bị trước về một chủ đề quen thuộc hoặc lĩnh vực bản thân quan tâm một cách tương đối rõ ràng, mạch lạc, có thể giải thích được một cách hợp lý những điểm chính; trả lời được các câu hỏi về bài trình bày, tuy nhiên đôi khi vẫn phải hỏi lại khi người hỏi nói quá nhanh.</p> <p>Đặc tả tổng quát cho kỹ năng nói tương tác:</p> <p>Sử dụng được ngôn ngữ đơn giản để giải quyết hầu hết các tình huống phát sinh trong khi đi du lịch; thực hiện được hội thoại về những chủ đề quen thuộc mà không cần chuẩn bị trước, có thể thể hiện được quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về những chủ đề quen thuộc; có thể giao tiếp tương đối tự tin về những vấn đề có tính chuyên ngành hoặc về lĩnh vực bản thân quan tâm; có thể kiểm tra và xác nhận thông tin, có thể xử lý các tình huống ít gặp và giải quyết vấn đề; có thể bày tỏ suy nghĩ, chính kiến về những chủ đề thuộc lĩnh vực văn hóa hoặc những chủ đề có tính trừu tượng như phim ảnh, âm nhạc, v.v.</p> <p>– <i>Nói tương tác: Hội thoại</i></p> <p>Có thể thực hiện được hội thoại về những chủ đề quen thuộc liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc cuộc sống hàng ngày mà không cần chuẩn bị trước (ví dụ: gia đình, sở thích,</p>	
--	--	--	--

		<p>công việc, du lịch và các sự kiện thời sự); tuy nhiên đôi lúc vẫn gặp khó khăn để thể hiện chính xác điều muốn nói; có thể hiểu được những lời nói trực tiếp trong hội thoại hằng ngày mặc dù thỉnh thoảng vẫn phải hỏi lại những từ ngữ cụ thể; có thể diễn đạt cảm xúc và đối đáp với những trạng thái khác nhau như ngạc nhiên, vui, buồn, quan tâm, thờ ơ, v.v.</p> <p>– <i>Nói tương tác: Giao dịch hàng hóa và dịch vụ</i></p> <p>Có thể xử lý được hầu hết các tình huống phát sinh khi đi du lịch, chuẩn bị cho chuyến đi như đặt chỗ, làm giấy tờ, thủ tục khi đi du lịch nước ngoài; có thể xử lý được những tình huống bất thường khi đi mua bán, giao dịch ở bưu điện, ngân hàng, v.v. ; có thể giải thích được một số vấn đề phát sinh và trình bày rõ lập luận để người tham thoại (với vai trò là nhà cung cấp dịch vụ hoặc khách hàng) phải nhượng bộ.</p> <p>– <i>Nói tương tác: Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn</i></p> <p>Có thể đưa ra được ý tưởng khi phỏng vấn (ví dụ khi đề cập đến một chủ đề mới), nhưng còn phụ thuộc vào việc tương tác với người phỏng vấn; có thể sử dụng được những câu hỏi và trả lời đã chuẩn bị trước để thực hiện phỏng vấn, có thể trả lời được một số câu hỏi tự phát khác; có thể cung cấp thông tin cụ thể theo yêu cầu trong buổi phỏng vấn (ví dụ: phỏng vấn tuyển dụng) với độ chính xác nhất định; biết cách kiểm tra và xác nhận thông tin mặc dù đôi khi vẫn phải yêu cầu nhắc lại.</p> <p>Các tiêu chí đánh giá kỹ năng Nói</p> <p>– <i>Kiến thức ngôn ngữ:</i></p> <p>Có lượng kiến thức ngôn ngữ, vốn từ ngữ phù hợp để diễn đạt về một số chủ đề nhất định như gia đình, sở thích, những vấn đề bản thân quan tâm, công việc, du lịch và các sự kiện đang diễn ra dù đôi lúc còn ngập ngừng và phải nói vòng.</p> <p>– <i>Phát âm và độ lưu loát:</i></p> <p>Có thể phát âm rõ ràng, dễ hiểu mặc dù đôi lúc giọng điệu vẫn chưa thật tự nhiên và thỉnh thoảng còn phát âm sai; có thể diễn đạt một cách tương đối trôi chảy mặc dù có lúc</p>	
--	--	---	--

		<p>còn ngập ngừng, nhưng có thể tự diễn đạt tiếp mà không cần trợ giúp; có thể diễn đạt một cách dễ hiểu, tuy nhiên vẫn có lúc bị gián đoạn để tìm từ ngữ và diễn đạt lại câu hoặc để tự sửa lỗi, đặc biệt khi sử dụng nhiều câu dài, phức hợp và không sử dụng ghi chép chuẩn bị trước.</p> <p>– <i>Mức độ chuẩn xác:</i></p> <p>Giải thích được chính xác các điểm chính của một ý tưởng hoặc của một vấn đề; truyền đạt được một cách đơn giản, rõ ràng, mạch lạc những thông tin, thông điệp quan trọng nhất của người nói; diễn đạt được các ý chính một cách dễ hiểu theo mong muốn của mình; sử dụng tốt vốn từ ngữ và những cấu trúc căn bản ở trình độ sơ cấp, có lúc còn gặp khó khăn khi cố gắng diễn đạt những suy nghĩ phức hợp hoặc khi nói về những chủ đề, tình huống không quen thuộc; sử dụng được ngôn ngữ giao tiếp phù hợp trong nhiều tình huống thông dụng; ý thức được các phép lịch sự khi giao tiếp và có cách ứng xử phù hợp theo vai và tình huống giao tiếp, ví dụ trong các tình huống ở trường học, nơi làm việc, v.v.</p> <p>– <i>Tương tác:</i></p> <p>Có thể tham gia, duy trì, triển khai và khép lại một cuộc hội thoại đơn giản về các chủ đề quen thuộc; có thể nhắc lại một phần nội dung trong hội thoại để đảm bảo hai bên cùng hiểu rõ ý định diễn đạt.</p> <p>– <i>Liên kết:</i></p> <p>Có thể liên kết một chuỗi những cụm từ ngắn, đơn giản, riêng biệt thành một phát ngôn liền mạch, thống nhất.</p>	
3	Chuyên đề 3: Đọc	<p>– Có thể hiểu những thông tin chi tiết trong các văn bản phổ biến trong cuộc sống hàng ngày như thư từ, thông báo ngắn về sự kiện, nội quy nơi công cộng, quảng cáo, và các nội dung tương tự.</p> <p>– Có thể hiểu các văn bản dài với thông tin rõ ràng và mạch lạc về các chủ đề quen thuộc như gia đình, nghề nghiệp, sức khỏe, học tập, sở thích, âm nhạc, phim ảnh, quảng cáo,</p>	

		<p>và các lĩnh vực tương tự.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Có thể hiểu các đoạn văn mô tả sự kiện, cảm xúc và lời chúc trong các bức thư cá nhân để có thể đưa ra phản hồi một cách thích hợp. – Có thể hiểu các hướng dẫn sử dụng được trình bày rõ ràng và mạch lạc, chẳng hạn như cách sử dụng máy bán vé tự động, cách thuê xe đạp tại trạm công cộng, và hướng dẫn sử dụng của các thiết bị tương tự. – Có thể nắm bắt được ý chính các bài báo có lối viết giản dị về các chủ đề gần gũi. Có thể hiểu được những ý chính các bài văn nghị luận có lối viết rõ ràng, mạch lạc. – Có thể suy đoán nghĩa của các từ ngữ mới dựa trên ngữ cảnh trong các văn bản về các chủ đề liên quan đến bản thân hoặc các chủ đề được quan tâm. Có thể hiểu được ý nghĩa của cả câu nếu chủ đề đang được đề cập không quá xa lạ. 	
4	Chuyên đề 4: Viết	<ul style="list-style-type: none"> – <i>Viết sáng tạo:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Có thể kể về các trải nghiệm và miêu tả cảm xúc, phản ứng của cá nhân dưới dạng một bài viết đơn giản, mạch lạc, liên kết chặt chẽ. + Có thể miêu tả một sự kiện có thật hoặc giả tưởng. + Có thể kể lại một câu chuyện. – <i>Viết báo cáo và bài luận:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Có thể viết một bài luận ngắn gọn về các chủ đề bản thân quan tâm. + Có thể tóm tắt thông tin về vấn đề ít quen thuộc trong lĩnh vực bản thân quan tâm, có thể viết báo cáo về vấn đề đó và trình bày quan điểm, chính kiến của mình. + Có thể viết những báo cáo ngắn gọn với định dạng chuẩn nhằm cung cấp những thông tin thực tế và nêu lý do cho những kiến nghị, đề xuất trong báo cáo. – <i>Viết thư từ giao dịch:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Có thể viết thư cá nhân để mô tả chi tiết kinh nghiệm, cảm xúc, sự kiện, v.v. + Có thể viết thư từ giao dịch nhằm cung cấp những tin tức mới và trình bày suy nghĩ về 	

	<p>những chủ đề như âm nhạc, phim ảnh, thời trang, v.v.</p> <p>– <i>Viết tin nhắn, biểu mẫu:</i></p> <p>+ Có thể viết các ghi chú hoặc tin nhắn truyền đạt thông tin quan trọng tới bạn bè, nhân viên dịch vụ, thầy cô giáo và những người thường gặp.</p> <p>– <i>Xử lý văn bản:</i></p> <p>+ Có thể tập hợp thông tin ngắn từ một số nguồn nhất định và tóm tắt lại những thông tin đó cho người khác.</p> <p>+ Có thể tóm tắt lại các đoạn văn ngắn một cách đơn giản, dễ hiểu: sử dụng từ vựng và trình tự thông tin như bản gốc.</p> <p>– <i>Từ vựng:</i></p> <p>+ Sở hữu lượng từ vựng và các phương tiện ngôn ngữ đủ rộng để mô tả những tình huống không lường trước được, để giải thích một cách tương đối chính xác những điểm chính của một ý tưởng và để diễn đạt những suy nghĩ, cân nhắc của bản thân về những chủ đề như âm nhạc, phim ảnh, thời trang, v.v.</p> <p>+ Kiểm soát tốt lượng từ vựng ở trình độ sơ cấp, có lúc vẫn mắc lỗi khi diễn đạt những vấn đề có tính phức hợp cao hay khi xử lý những tình huống và chủ đề không quen thuộc.</p> <p>– <i>Ngữ pháp:</i></p> <p>+ Giao tiếp được một cách khá chính xác trong những tình huống quen thuộc; nhìn chung có khả năng kiểm soát tốt các cấu trúc ngữ pháp mặc dù còn chịu ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ.</p> <p>+ Sử dụng được một cách khá chính xác những mẫu câu thường dùng trong nhiều tình huống.</p> <p>– <i>Chính tả:</i></p> <p>+ Áp dụng các quy tắc chính tả một cách tương đối chính xác, đặc biệt là các quy tắc về bố cục trình bày để người đọc hiểu được nội dung một cách dễ dàng.</p>	
--	---	--

5	Chuyên đề 5: Chuyển ngữ chức năng	<p>Trong học kỳ này của lớp 11, chuyên đề Chuyển ngữ chức năng (CNCN) tập trung rèn luyện năng lực CNCN Nói cho học sinh. Các cơ sở giáo dục phổ thông có thể tự quyết định rèn luyện năng lực CNCN cho học sinh theo một chiều hoặc hai chiều. Sau khi hoàn thành chuyên đề này, học sinh có thể tóm tắt bằng một ngôn ngữ khác dưới dạng văn nói các nội dung và thông tin cơ bản của một ngôn bản nguồn về những chủ đề quen thuộc để đạt được mục đích giao tiếp nhất định, phù hợp với tình huống, bối cảnh và đối tượng giao tiếp. Cụ thể, học sinh sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> – có thể tường thuật lại bằng ngữ đích (tiếng Việt hoặc tiếng Đức tùy theo chiều chuyển ngữ) các nội dung cơ bản và ý định thông báo trong các cuộc thoại bằng ngữ nguồn về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày như gia đình, sở thích, các mối quan tâm, học tập, nghề nghiệp, du lịch, các sự kiện hàng ngày, v.v., khi người nói trình bày rõ ràng, tốc độ nói phù hợp, sử dụng ngôn ngữ thông dụng. – có thể tường thuật lại các nội dung quan trọng của các ngôn bản ngữ nguồn (ví dụ: bài thuyết trình) về những chủ đề có tính thời sự và quen thuộc khi người nói trình bày rõ ràng, mạch lạc, tốc độ nói phù hợp và sử dụng ngôn ngữ thông dụng. – có thể tường thuật lại các nội dung quan trọng của những ngôn bản ngữ nguồn tương đối dài, có bố cục rõ ràng, mạch lạc về những chủ đề thời sự hoặc quan tâm cá nhân. – biết cách hỏi lại khi ý định giao tiếp hoặc nội dung thông báo không rõ ràng; khi cần thiết, sử dụng những cấu trúc đơn giản, ngắn gọn, nhưng lịch sự để xử lý những hiểu lầm hoặc phản ứng của người nghe trong quá trình chuyển ngữ; biết lược bớt hoặc bổ sung những giải thích phù hợp đáp ứng yêu cầu của tình huống giao tiếp liên ngữ và liên văn hóa. – sử dụng được các phương tiện tra cứu phù hợp để hiểu đúng nội dung thông báo và tóm tắt đầy đủ những nội dung chính theo yêu cầu đặt ra. – biết lựa chọn và sắp xếp mạch lạc các thông tin và nội dung được truyền đạt trong ngôn bản ngữ nguồn (dưới dạng văn nói hoặc văn viết) và biểu đạt bằng ngữ đích thông điệp 	
---	-----------------------------------	---	--

		<p>của người nói hoặc người viết.</p> <ul style="list-style-type: none"> – biết cách điều tiết giọng nói, âm lượng phù hợp với tình huống giao tiếp, kiểm soát tốc độ nói để hạn chế tần suất người nghe phải hỏi lại do nói quá nhanh, âm bị nuốt, hoặc các yếu tố gây nhiễu khác. – sử dụng được các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp với tình huống và đối tượng giao tiếp như cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để tạo ra sự tương tác hiệu quả trong giao tiếp. 	
--	--	---	--

Tổ hợp chuyên đề 2

TT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1	Chuyên đề 1: Nghe	<ul style="list-style-type: none"> – Hiểu được những cuộc thoại tương đối dài về những đề tài nhiều người quan tâm, ví dụ: tình bạn, công việc, phim ảnh v.v, – Hiểu được những bài diễn thuyết tương đối dài, nắm được cách dẫn dắt vấn đề, triển khai ý và lập luận của người nói về những đề tài phổ thông thường thức. – Hiểu được một số tin tức trên các phương tiện truyền thông về những vấn đề cộng đồng và xã hội quan tâm. – Hiểu được chủ đề, nội dung chính và một số chi tiết lời thoại trong phim, nếu ngôn ngữ sử dụng là ngôn ngữ phổ thông, trình bày mạch lạc, dễ hiểu. – Ứng dụng được những chiến lược nghe khác nhau (nghe tổng quát, nghe lựa chọn, nghe chi tiết, nghe đánh giá phê phán) để phục vụ nhu cầu học tập và nghiên cứu của bản thân. 	
2	Chuyên đề 2: Nói	<p>Đặc tả tổng quát cho kỹ năng nói độc thoại:</p> <p>Trình bày được trải nghiệm của cá nhân; giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng, lập luận chặt chẽ và phù hợp; thuyết trình rõ ràng, mạch lạc về một chủ đề.</p> <p><i>- Nói độc thoại: Miêu tả kinh nghiệm bản thân</i></p> <p>Miêu tả và trình bày được một cách rõ ràng về nhiều chủ đề liên quan đến bản thân hoặc</p>	

	<p>thuộc lĩnh vực bản thân quan tâm; đưa ra được quan điểm cá nhân về một vấn đề nhất định.</p> <p><i>- Nói độc thoại: Lập luận</i></p> <p>Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, thể hiện được chi tiết một số điểm chính bằng những luận điểm và ví dụ phù hợp; giải thích được quan điểm cá nhân về một vấn đề và nêu được những lợi thế và bất lợi của của một ý tưởng, đề xuất nhất định.</p> <p><i>- Nói độc thoại: Thuyết trình</i></p> <p>Thuyết trình được rõ ràng, mạch lạc, dễ hiểu về những nội dung chính theo bố cục chuẩn bị trước, nêu được lý do đồng tình hay phản đối một quan điểm cụ thể, đưa ra được những lợi thế và bất lợi của một ý tưởng, đề xuất nhất định; trả lời được các câu hỏi về bài trình bày một cách lưu loát, tự nhiên.</p> <p>Đặc tả tổng quát cho kỹ năng nói tương tác:</p> <p>Phân tích, lý giải được những nội dung quan trọng thông qua kinh nghiệm bản thân, biết cách lập luận và bảo vệ chính kiến một cách rõ ràng, mạch lạc, dễ hiểu thông qua những minh chứng, ví dụ phù hợp.</p> <p><i>- Nói tương tác: Thảo luận</i></p> <p>Tham gia một cách tự nhiên và bình đẳng vào cuộc thảo luận, thể hiện được các quan điểm của bản thân một cách rõ ràng, mạch lạc, dễ hiểu thông qua những minh chứng, ví dụ phù hợp.</p> <p><i>- Nói tương tác: Nhập vai</i></p> <p>Xác định chính xác vai của mình trong cuộc hội thoại và sử dụng ngôn ngữ phù hợp, hiệu quả để thể hiện được vai đó.</p> <p>Các tiêu chí đánh giá kỹ năng Nói</p> <p><i>- Kiến thức ngôn ngữ:</i></p> <p>Có vốn từ vựng tương đối rộng để miêu tả, trình bày rõ ràng, dễ hiểu, mạch lạc chính</p>	
--	--	--

		<p>kiến của bản thân, triển khai ý và phát triển lập luận; sử dụng được một số cấu trúc phức hợp phù hợp với ý định phát ngôn và tình huống giao tiếp.</p> <p><i>- Phát âm và độ lưu loát:</i></p> <p>Duy trì được tốc độ và giọng nói ổn định; có lúc còn do dự để tìm từ ngữ, cấu trúc diễn đạt cho phù hợp, nhưng thời gian ngắt quãng không quá dài; có thể giao tiếp tự nhiên, chủ động và trôi chảy mà không gây khó khăn trong giao tiếp cho cả hai bên.</p> <p><i>- Mức độ chuẩn xác:</i></p> <p>Sử dụng được tương đối chính xác các lớp từ vựng và cấu trúc đã học vào giao tiếp, đôi khi vẫn còn có hiện tượng do dự, ngắt quãng để lựa chọn từ ngữ.</p> <p><i>- Tương tác:</i></p> <p>Sử dụng được những phương tiện ngôn từ phù hợp để mở thoại, duy trì và kết thúc cuộc thoại.</p> <p><i>- Liên kết:</i></p> <p>Sử dụng được một số phương tiện liên kết phù hợp để kết nối ý, giúp cuộc thoại rõ ràng, chặt chẽ, logic mặc dù đôi chỗ chưa thực sự mạch lạc khi có những phần trình bày dài.</p>	
3	Chuyên đề 3: Đọc	<ul style="list-style-type: none"> – Có thể đọc và hiểu được các văn bản, thư từ giao dịch liên quan đến lĩnh vực bản thân quan tâm. – Có thể chọn lọc được những thông tin quan trọng trong những văn bản có chức năng thông báo thông dụng để sử dụng cho những mục đích riêng, ví dụ như tin quảng cáo hàng hóa, dịch vụ, thông báo của viện bảo tàng, triển lãm, tờ rơi giới thiệu danh lam, thắng cảnh du lịch, v.v. – Có thể đọc lướt nhanh và hiểu được những văn bản tương đối dài và phức hợp để nhận diện những thông tin cần thiết. – Có thể nhanh chóng nắm bắt được nội dung chính và xác định được mức độ hữu ích các nguồn tin hiện có và từ đó quyết định đọc kỹ hơn nguồn tin hiện có hay tìm kiếm 	

		<p>nguồn tin khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Có thể hiểu được những nội dung chính các nội quy cần tuân thủ nơi công cộng để có cách ứng xử phù hợp, ví dụ: nội quy phòng thí nghiệm, khách sạn, câu lạc bộ thể thao, v.v. – Có thể hiểu được những hướng dẫn sử dụng khá dài và phức hợp, hiểu được chi tiết những điều khoản của một văn bản hành chính nếu được đọc lại nhiều lần những đoạn khó. – Có một lượng lớn từ vựng chủ động phù hợp phục vụ quá trình đọc hiểu, nhưng có thể vẫn còn gặp khó khăn với những thành ngữ ít xuất hiện hoặc ít thông dụng. 	
4	Chuyên đề 4: Viết	<ul style="list-style-type: none"> – <i>Viết sáng tạo:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Có thể viết những bài nhận xét đơn giản về phim, sách, vở kịch, và các tác phẩm khác. + Có thể miêu tả rõ ràng, mạch lạc và dễ hiểu về các sự kiện hoặc trải nghiệm thực tế hoặc giả tưởng. – <i>Viết báo cáo và bài luận:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Có thể viết một bài luận hoặc báo cáo rõ ràng, dễ hiểu, nêu lý do ủng hộ hoặc phản đối các quan điểm khác nhau. + Có thể viết một bài luận hoặc báo cáo trình bày vấn đề một cách hệ thống, mạch lạc và dễ hiểu, nêu rõ ý chính và kèm theo các ví dụ minh họa phù hợp. + Có thể tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để phục vụ cho mục đích học tập và nghiên cứu cá nhân. – <i>Viết thư từ giao dịch:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Có thể viết thư giao dịch để diễn đạt cảm xúc cá nhân cũng như đưa ra nhận xét và bình luận rõ ràng, dễ hiểu về tin tức và quan điểm của người khác. – <i>Viết tin nhắn, biểu mẫu:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Có thể truyền đạt thông tin một cách rõ ràng, mạch lạc qua các ghi chú, tin nhắn nhằm 	

		<p>mục đích giao tiếp hiệu quả với bạn bè, đồng nghiệp, thầy cô và những người xung quanh.</p> <p>– <i>Xử lý văn bản:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Có thể tóm tắt văn bản một cách mạch lạc và dễ hiểu, đồng thời lồng ghép đưa ra nhận xét cá nhân và thảo luận về các luận điểm chính. + Có thể tóm tắt các trích đoạn từ nhiều nguồn tin khác nhau như tin tức thời sự, phỏng vấn, phóng sự về các chủ đề quen thuộc. + Có thể tóm tắt nội dung hoặc diễn biến của một bộ phim, vở kịch, cuốn sách, và các tác phẩm tương tự. <p>– <i>Từ vựng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Có vốn từ vựng khá phong phú về các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn của bản thân và về hầu hết các chủ đề phổ thông, tuy nhiên đôi khi có thể lặp từ và diễn đạt chưa rõ ràng. + Về cơ bản, sử dụng chính xác và phù hợp các từ ngữ đã học, mặc dù vẫn mắc một số lỗi trong việc lựa chọn từ, nhưng không làm cản trở quá trình giao tiếp. <p>– <i>Ngữ pháp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Kiểm soát ngữ pháp khá tốt, tuy nhiên đôi khi vẫn có lỗi ngữ pháp nhỏ, nhưng không gây ra sự hiểu lầm trong quá trình giao tiếp. <p>– <i>Chính tả:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Có thể viết văn bản mạch lạc, rõ ràng và dễ hiểu, tuân theo đúng quy tắc và chuẩn mực về trình bày và cấu trúc văn bản. + Áp dụng các quy tắc chính tả một cách tương đối chính xác và phù hợp, tuy nhiên vẫn có dấu hiệu ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ khi sử dụng ngoại ngữ. 	
5	Chuyên đề 5: Chuyển ngữ chức năng	Ở học kỳ I lớp 12, chuyên đề Chuyển ngữ chức năng (CNCN) tiếp tục tập trung rèn luyện cho học sinh năng lực CNCN Nói. Cơ sở giáo dục phổ thông tự cân nhắc và quyết định	

		<p>rèn luyện năng lực CNCN cho học sinh theo hai chiều hay một chiều. Sau khi hoàn thành Chuyên đề này, học sinh có thể tóm lược được bằng một ngôn ngữ khác dưới dạng văn nói những nội dung, thông tin cơ bản của các ngôn bản nguồn về những chủ đề quen thuộc để đạt được một mục đích giao tiếp nhất định, phù hợp với tình huống, bối cảnh và đối tượng giao tiếp. Cụ thể, học sinh:</p> <ul style="list-style-type: none"> – sử dụng được ngữ đích một cách phù hợp biểu đạt được nội dung của những câu hỏi và câu trả lời quan trọng trong các cuộc thoại không quá phức hợp, không quá nặng tính nghi thức về những chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, các mối quan tâm, việc học tập, nghề nghiệp, du lịch, các sự kiện xảy ra hàng ngày, v.v. , khi người nói trình bày rõ ràng, tốc độ nói phù hợp, sử dụng ngôn ngữ thông dụng. – sử dụng được những từ ngữ, cấu trúc, phương tiện ngôn từ đơn giản, phù hợp của ngữ đích để tường thuật lại những nội dung, ý định phát ngôn quan trọng của các cuộc trao đổi, gặp gỡ trực tiếp giữa hai bên. – biết cách hỏi lại khi ý định giao tiếp hoặc nội dung thông báo không rõ và khi cần thiết thì sử dụng được những cấu trúc đơn giản, ngắn gọn, nhưng lịch sự để xử lý những hiểu lầm hoặc phản ứng của người nghe; biết lược bớt hoặc bổ sung những giải thích phù hợp đáp ứng được yêu cầu đặt ra của tình huống giao tiếp liên ngữ và liên văn hóa. – biết cách ghi chép ý chính để tóm lược được đầy đủ những nội dung chính theo yêu cầu đặt ra; lựa chọn và sắp xếp được mạch lạc các thông tin, các nội dung cần truyền đạt. – biết cách điều tiết giọng nói, âm lượng cho phù hợp với tình huống giao tiếp, biết cách làm chủ tốc độ, giọng điệu khi nói để đảm bảo hạn chế tần suất người nghe phải hỏi lại do nói quá nhanh, âm bị nuốt, hoặc bị ảnh hưởng bởi những yếu tố gây nhiễu khác, v.v. – sử dụng được những phương tiện phi lời phù hợp với tình huống và đối tượng giao tiếp như cử chỉ, nét mặt, ánh mắt, v.v. để tạo ra sự tương tác hiệu quả trong giao tiếp. 	
--	--	--	--

Tổ hợp chuyên đề 3

TT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
----	----------	-----------------	---------

1	Chuyên đề 1: Nghe	<ul style="list-style-type: none"> – HọcHiểu được những cuộc thoại dài, phức hợp về những đề tài nhiều người quan tâm, ví dụ: cuộc sống ở nông thôn và thành thị, hút thuốc lá, phẫu thuật thẩm mỹ, v.v. – Hiểu được những bài diễn thuyết dài, nắm được cách dẫn dắt vấn đề, triển khai ý cũng như lập luận của người tham thoại về những đề tài phổ thông thường thức và một số nội dung không quá chuyên sâu. – Hiểu được hầu hết những tin tức trên các phương tiện truyền thông về những vấn đề cộng đồng và xã hội quan tâm. – Hiểu được chủ đề, nội dung và phần lớn lời thoại trong phim, nếu ngôn ngữ trong phim là ngôn ngữ phổ thông, trình bày mạch lạc, dễ hiểu. – Biết cách ứng dụng những chiến lược nghe khác nhau (nghe tổng quát, nghe lựa chọn, nghe chi tiết, nghe đánh giá phê phán) để phục vụ cho nhu cầu học tập, nghiên cứu của bản thân. 	
2	Chuyên đề 2: Nói	<p>Đặc tả tổng quát cho kỹ năng nói độc thoại:</p> <p>Giao tiếp một cách độc lập, tự tin về nhiều chủ đề, đảm bảo tính mạch lạc và liên kết khi trình bày, diễn đạt trôi chảy và sử dụng phương tiện ngôn ngữ phù hợp.</p> <p>– <i>Nói độc thoại: Miêu tả kinh nghiệm bản thân</i></p> <p>Miêu tả và trình bày rõ ràng, mạch lạc, dễ hiểu và chi tiết về nhiều chủ đề liên quan đến bản thân hoặc lĩnh vực quan tâm; đưa ra quan điểm cá nhân dựa trên lập luận chặt chẽ và minh chứng phù hợp; biết so sánh và đối chiếu lợi thế và bất lợi của những ý tưởng, đề xuất liên quan đến nội dung bài nói.</p> <p>– <i>Nói độc thoại: Lập luận</i></p> <p>Lập luận tự tin, có hệ thống, mạch lạc, biết cách nhấn mạnh và làm nổi bật những nội dung quan trọng một cách phù hợp, dẫn chứng chi tiết và ví dụ minh họa thuyết phục. – <i>Nói độc thoại: Thuyết trình</i></p> <p>Thuyết trình tự nhiên, rõ ràng, dễ hiểu và mạch lạc về một chủ đề nhất định, biết cách lập luận và nhấn mạnh; khi cần thiết, có những sáng tạo và 'biến tấu' nhất định so với bài</p>	

	<p>chuẩn bị trước; có thể ứng đáp và trả lời các câu hỏi của người nghe một cách trôi chảy.</p> <p>Đặc tả tổng quát cho kỹ năng nói tương tác:</p> <p>Tham gia thảo luận chủ động, tích cực về những tình huống quen thuộc, trình bày ý quan trọng thông qua kinh nghiệm cá nhân, lý giải và biện luận quan điểm bản thân rõ ràng bằng lý lẽ và minh chứng phù hợp; sử dụng ngôn ngữ thành thạo, chính xác, hiệu quả và đảm bảo tính mạch lạc khi bàn luận về các chủ đề như giải trí, nghề nghiệp và học tập; giao tiếp tự nhiên, sử dụng từ ngữ và phương tiện tu từ một cách nhuần nhuyễn để thực hiện mục đích giao tiếp.</p> <p>– <i>Nói tương tác: Hội thoại</i></p> <p>Duy trì cuộc thoại (kể cả với người bản ngữ) bằng cách pha trò, những câu nói hài hước; biết sử dụng trải nghiệm cá nhân để làm cuộc thoại sinh động và biểu đạt các mức độ cảm xúc khác nhau. Nói tương tác: Giao dịch hàng hóa và dịch vụ Trình bày mạch lạc, dễ hiểu một quy trình (ví dụ: quy trình đền bù thiệt hại), sử dụng từ ngữ thuyết phục để đạt mục đích giao tiếp, ví dụ: phía nhà cung cấp dịch vụ đồng ý với yêu cầu đền bù đưa ra.</p> <p>– <i>Nói tương tác: Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn</i></p> <p>Thực hiện phỏng vấn chủ động, tự nhiên, tự tin và hiệu quả dựa trên câu hỏi chuẩn bị sẵn, trả lời thuyết phục những câu hỏi bổ sung không có trong kịch bản; đưa ra ý tưởng mới, mở rộng và phát triển chủ đề nếu có sự gợi ý của người tham thoại (với vai trò người phỏng vấn).</p> <p>Các tiêu chí đánh giá kỹ năng Nói:</p> <p>– <i>Kiến thức ngôn ngữ:</i></p> <p>Có vốn từ vựng rộng để miêu tả, trình bày rõ ràng chính kiến, triển khai ý và phát triển lập luận; sử dụng cấu trúc phức hợp phù hợp với ý định phát ngôn và tình huống giao tiếp.</p>	
--	--	--

		<p>– <i>Phát âm và độ lưu loát:</i></p> <p>Ngữ điệu rõ ràng, tự nhiên; diễn đạt ý dài và phức hợp tự nhiên, mạch lạc và dễ hiểu. Mức độ chuẩn xác: Diễn đạt ý tự tin, rõ ràng và lịch sự bằng các ngữ vực khác nhau (trang trọng, thân mật hay thông tục), phù hợp với vai, đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp; giao tiếp chủ động về nhiều chủ đề, bố cục trình bày mạch lạc, lập luận chặt chẽ, đảm bảo liên kết văn bản, dụng ngôn phù hợp, tự nhiên, diễn đạt trôi chảy.</p> <p>– <i>Tương tác:</i></p> <p>Phát triển cuộc thoại về lĩnh vực quen thuộc và chủ động dẫn dắt người tham thoại tham gia tương tác.</p> <p>– <i>Liên kết:</i></p> <p>Sử dụng phương tiện liên kết ý, đảm bảo mạch lạc về văn bản, mặc dù vẫn có những vấn đề nhất định, như đôi lúc nói dài dòng, lạc đề.</p>	
3	Chuyên đề 3: Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm bắt được ý chính các đoạn trích từ báo chí về những vấn đề khác nhau trong cuộc sống như các mối quan hệ, dinh dưỡng, sức khỏe, ngôn ngữ v.v hoặc các đoạn trích từ tác phẩm văn học đương đại. - Hiểu được nội dung của một số loại hình văn bản khác nhau như tờ rơi quảng cáo của trường đại học, tờ thông tin giới thiệu về dịch vụ. - Vận dụng được nhiều chiến lược đọc khác nhau để hiểu văn bản, nhận diện và phân tích được ý chính, ví dụ dựa vào những từ ngữ chỉ báo, từ khóa, v.v. - Biết cách sử dụng các nguồn tham khảo phù hợp. 	
4	Chuyên đề 4: Viết	<p>– <i>Viết sáng tạo:</i></p> <p>+ Có thể miêu tả rõ ràng, mạch lạc, dễ hiểu và chi tiết các sự kiện hay những trải nghiệm có thật hoặc giả tưởng.</p> <p>+ Có thể viết bài nhận xét, đánh giá về một bộ phim, cuốn sách, vở kịch, v.v. Viết báo cáo và bài luận:</p>	

		<p>+ Có thể viết một bài luận hoặc một báo cáo trình bày vấn đề nào đó một cách hệ thống, mạch lạc, dễ hiểu, nêu bật được ý chính và có minh họa phù hợp.</p> <p>+ Biết cách so sánh, đối chiếu giữa các ý kiến và giải pháp khác nhau cho một vấn đề.</p> <p>+ Có thể viết một bài luận hoặc một báo cáo trình bày vấn đề nào đó một cách mạch lạc, dễ hiểu, giải thích được những ưu và nhược điểm của các giải pháp khác nhau.</p> <p>+ Có thể tóm lược, tổng hợp thông tin và lập luận dựa vào nhiều nguồn dữ liệu khác nhau. – <i>Viết thư từ giao dịch:</i></p> <p>+ Có thể viết thư từ giao dịch để mô tả các sắc thái cảm xúc khác nhau, nhấn mạnh ý nghĩa của các sự kiện và trải nghiệm đối với bản thân, nhận xét và bình luận về tin tức và quan điểm của người khác, v.v.</p> <p>– <i>Viết tin nhắn, điền biểu mẫu:</i></p> <p>+ Có thể viết các ghi chú hoặc tin nhắn một cách ngắn gọn, mạch lạc, dễ hiểu cho bạn bè, thầy cô giáo và những người khác thường gặp trong cuộc sống hằng ngày, biết cách nhấn mạnh những điểm quan trọng trong các ghi chú hoặc tin nhắn của mình.</p> <p>– <i>Xử lý văn bản:</i></p> <p>+ Có thể tóm tắt một cách ngắn gọn, mạch lạc, dễ hiểu nhiều loại hình văn bản, qua đó đưa ra được những nhận xét và thảo luận về các nội dung chính.</p> <p>+ Có thể tóm tắt nội dung những trích đoạn từ nhiều nguồn khác nhau như tin tức thời sự, phỏng vấn, phóng sự, chương trình bình luận, v.v. với nhiều quan điểm, ý kiến trái chiều.</p> <p>+ Có thể tóm tắt được nội dung hay diễn biến, trình tự các sự kiện một bộ phim, vở kịch, cuốn sách, v.v.</p> <p>– Từ vựng:</p> <p>+ Có vốn từ rộng về các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân và về hầu hết các chủ đề có tính phổ thông thường thức. Có khả năng hành văn đa dạng nhằm tránh</p>	
--	--	--	--

		<p>lập từ ngữ thường xuyên, nhưng do vốn từ ngữ còn hạn chế nên đôi khi vẫn còn hiện tượng diễn đạt dài dòng, lạc đề.</p> <p>+ Về cơ bản, có thể sử dụng được chính xác, phù hợp những từ ngữ đã học. Có trường hợp còn nhầm lẫn và lựa chọn từ ngữ chưa thật chính xác, nhưng điều đó không gây cản trở quá trình giao tiếp.</p> <p>– Ngữ pháp:</p> <p>+ Kiểm soát ngữ pháp tốt, đôi khi còn có thể xuất hiện những lỗi không mang tính hệ thống hoặc lỗi nhỏ về cấu trúc, nhưng hiếm khi xảy ra và thường được học sinh tự phát hiện và chỉnh sửa khi xem lại bài viết của mình.</p> <p>+ Không mắc những lỗi ngữ pháp trầm trọng gây hiểu lầm.</p> <p>– Chính tả:</p> <p>+ Có thể viết được một văn bản mạch lạc, rõ ràng, dễ hiểu theo đúng quy tắc và chuẩn mực về cách trình bày và bố cục văn bản.</p> <p>+ Áp dụng được các quy tắc chính tả một cách tương đối chính xác, nhưng vẫn còn dấu hiệu cho thấy việc dụng ngữ còn chịu ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ.</p>	
5	Chuyên đề 5: Chuyển ngữ chức năng	<p>Mục tiêu của chuyên đề Chuyển ngữ chức năng học kỳ II lớp 12 là trang bị cho học sinh kỹ năng Viết các loại văn bản khác nhau. Tùy thuộc vào điều kiện và nhu cầu của từng cơ sở giáo dục phổ thông, việc đào tạo có thể được tổ chức theo một chiều hoặc hai chiều để rèn luyện năng lực này cho học sinh.</p> <p>Kết thúc chuyên đề, học sinh thể chuyển đổi các thông tin từ văn bản gốc về các chủ đề quen thuộc một cách tóm lược sang một ngôn ngữ khác dưới dạng văn viết đáp ứng các yêu cầu về mục đích giao tiếp, ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp. Cụ thể,</p> <p>– học sinh có thể chuyển tải những thông tin, ý tưởng chính trong một văn bản bằng tiếng Đức hoặc tiếng Việt sang ngữ đích một cách chính xác và đầy đủ, đặc biệt là đối với những văn bản mang tính thời sự hoặc những văn bản liên quan đến những chủ đề</p>	

		<p>mà bản thân học sinh quan tâm. Trong quá trình thực hiện, học sinh sẽ sử dụng các công cụ hỗ trợ để hiểu rõ nội dung văn bản gốc và lựa chọn cách diễn đạt phù hợp nhất với từng tình huống giao tiếp.</p> <ul style="list-style-type: none"> – học sinh có thể tường thuật lại những thông tin quan trọng, những ý chính được truyền đạt trong một bài nói bằng ngôn ngữ nguồn (ví dụ: bài thuyết trình) sang ngôn ngữ đích, đặc biệt khi bài nói có nội dung liên quan đến những chủ đề mà học sinh quan tâm hoặc những vấn đề thời sự. Điều kiện tiên quyết là người nói phải trình bày một cách rõ ràng, mạch lạc, tốc độ nói phù hợp và sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu. Ngoài ra, học sinh cũng biết cách đặt câu hỏi để làm rõ những thông tin chưa hiểu, ví dụ như khi người nói nói quá nhanh, âm thanh không rõ hoặc sử dụng những thuật ngữ chuyên ngành, trang trình chiếu bị sai, hoặc lỗi... – sử dụng được các chiến lược đọc hiểu để chọn lọc thông tin quan trọng, nhận diện từ khóa, phân tích câu để nắm bắt được nội dung chính của văn bản phục vụ cho giai đoạn tái tạo văn bản đích; biết cách ghi chép ý chính để tóm lược được đầy đủ những nội dung chính theo yêu cầu đặt ra; lựa chọn và sắp xếp được mạch lạc các nội dung trong ngôn bản nguồn làm cơ sở để việc chuyển ngữ được rõ ý, đủ ý, dễ hiểu và mạch lạc. – biết cách phân tích nhiệm vụ chuyển ngữ đặt ra. Điều này bao gồm việc xác định thông tin cần truyền đạt, đối tượng người đọc và mục tiêu giao tiếp, ví dụ: văn bản đích cần phải có những thông tin gì? Ai là người tiếp nhận văn bản đích? từ đó học sinh áp dụng được linh hoạt những chiến lược tái tạo văn bản phù hợp để thực hiện được yêu cầu chuyển ngữ đặt ra, ví dụ khi cần thì thêm, bớt từ ngữ, chú giải bổ sung, sử dụng những từ ngữ khác để biểu đạt ý cho dễ hiểu đối với một đối tượng giao tiếp cụ thể, v.v. – học sinh có thể nhận diện các hiện tượng chuyển ngữ liên quan đến văn hóa khi xử lý các biện pháp tu từ trong văn bản nguồn. Học sinh có thể áp dụng các chiến lược chuyển ngữ phù hợp, như tham khảo ý kiến chuyên gia hoặc sử dụng các công cụ hỗ trợ để đảm bảo tính chính xác và hiệu quả của văn bản chuyển ngữ, từ đó có thể đề xuất một phương án chuyển ngữ tạm thời. 	
--	--	--	--

IV. TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Phương pháp, hình thức, phương tiện dạy học

1.1. Phương pháp, hình thức dạy học

- Phương pháp giáo dục chính của Khung Chương trình này vẫn tiếp tục theo hướng giảng dạy ngôn ngữ giao tiếp, như đã được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Đức - Ngoại ngữ 1. Đường hướng này cho phép sử dụng nhiều phương pháp dạy học đa dạng, tập trung vào việc phát triển năng lực giao tiếp của học sinh. Nó đặc biệt chú trọng đến khả năng áp dụng các quy tắc về ngôn ngữ trong việc tạo ra các ngôn bản phù hợp với tình huống, đối tượng, và mục đích giao tiếp, tức là người tham gia cần phải quan tâm đến cả bối cảnh rộng và hẹp của hoạt động giao tiếp, cũng như các yếu tố ngôn ngữ và văn hóa trong giao tiếp nói chung, đặc biệt là trong giao tiếp đa ngữ. Hướng tiếp cận này có những điểm tương đồng với phương pháp giáo dục lấy người học làm trung tâm. Cả hai hướng tiếp cận này đều thay đổi vai trò của giáo viên và học sinh trong quá trình giảng dạy và học tập.

- Theo đường hướng giáo dục này, giáo viên đóng vai trò quan trọng trong bốn lĩnh vực: là người giảng dạy và giáo dục; người cố vấn; người tham gia vào quá trình học tập; và là người học cũng như người nghiên cứu (cụ thể về bốn vai trò này có thể tham khảo trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Đức - Ngoại ngữ 1)

- Những vai trò này yêu cầu giáo viên phải có trách nhiệm (a) xây dựng ý thức học tập cho học sinh, (b) giúp học sinh nhận thức được trách nhiệm của mình với tư cách là người học và hiểu rõ mục đích học tập, (c) hỗ trợ học sinh trong việc lựa chọn và sáng tạo ra các phương pháp học tập phù hợp với từng cá nhân, và (d) giúp học sinh có được một quan niệm toàn diện về việc thế nào là thành thạo một ngoại ngữ.

- Dạy học tập trung vào việc phát huy cao độ tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; hình thành ở học sinh phương pháp và nhu cầu tự học, tạo niềm vui, hứng thú trong học tập.

- Sử dụng tối đa các PPDH tích cực, đề cao vai trò trung tâm nhận thức của HS như thảo luận, tranh luận, đặt và giải quyết vấn đề, dự án, đóng vai, viết báo cáo., ; phát huy các mặt tích cực của những phương pháp dạy học hiện có như thuyết trình, đàm thoại, so sánh.

- Phương pháp, hình thức dạy học đặc trưng theo môn học Tiếng Đức

1.2. Phương tiện dạy học

Đảm bảo đủ các phương tiện dạy học trong danh mục thiết bị dạy học tối thiểu mà Bộ GD&ĐT đã ban hành. Chú trọng việc sử dụng công nghệ thông tin nói chung và Internet nói riêng trong dạy và học, yêu cầu cao đối với việc khai thác, chọn lọc và hệ thống hoá, trình bày các thông tin, tư liệu từ Internet.

- Việc sử dụng các phương tiện dạy học cần được thực hiện theo hướng tổ chức cho HS khai thác tri thức, tìm tòi, khám phá các kiến thức cần có từ các phương tiện, thiết bị dạy học; đồng thời, hướng dẫn, tổ chức để học sinh có thể xây dựng các tư liệu phục vụ học tập.

- Ngoài ra, để có thể nâng cao chất lượng dạy học môn học Tiếng Đức các trường cần trang bị và tạo thêm các phương tiện dạy học có tác dụng tốt đối với việc nâng cao chất lượng dạy học như tạp chí tiếng Đức (ưu tiên ấn phẩm điện tử), xây dựng hệ thống thư viện hiện đại với đa dạng tài liệu, có phòng luyện âm, luyện nghe cho tiếng Đức, nhằm phục vụ việc tự học, tự nghiên cứu của học sinh và giáo viên. Trường cũng cần có kinh phí để mời chuyên gia, giáo viên phổ thông Đức/Áo/Thụy Sĩ tham gia giảng dạy tiếng cho học sinh.

- Để đảm bảo chất lượng dạy và học tại các trường THPT Chuyên, tăng hoạt động tương tác trong lớp học thì số lượng học sinh cho một lớp học tiếng Đức không nên quá cao.

2. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập của học sinh

- Đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của HS theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT;

- Việc đánh giá được thực hiện theo các mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao; trong đó, cần tăng cường nhiều hơn việc đánh giá theo các mức độ vận dụng, vận dụng cao; yêu cầu, tạo điều kiện và khuyến khích học sinh giải quyết vấn đề và sáng tạo trong học tập;

- Nội dung đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực đã được quy định trong nội dung dạy học môn Tiếng Đức. GV cần dựa vào các yêu cầu cần đạt đã quy định trong nội dung dạy học môn Tiếng Đức quy định tại Chương trình giáo dục phổ thông và chương trình giáo dục nâng cao (phần nội dung giáo dục nâng cao bắt buộc) dành cho học sinh trường trung học phổ thông chuyên để đánh giá kết quả học tập của học sinh;

- Đối với chuyên đề mới là Chuyển ngữ chức năng (CNCN), giáo viên có thể cân nhắc là có thực hiện việc kiểm tra, đánh giá năng lực chuyên ngữ hay không hay chỉ sử dụng chuyên đề này như là một phương cách rèn luyện năng lực tiếng tổng hợp cho học sinh, chuẩn bị cho những tình huống giao tiếp đa ngữ và đa văn hóa trong thực tế. - Đa dạng hoá các hình thức đánh giá: đánh giá thông qua bài viết; đánh giá thông qua vấn đáp, thuyết trình, đánh giá thông qua quan sát. Tạo điều kiện để học sinh tham gia vào việc đánh

giá kết quả học tập (HS đánh giá kết quả học tập của bạn, tự đánh giá kết quả học tập của mình).

V. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải thích thuật ngữ

2. Hướng dẫn thực hiện chương trình

2.1. Kế hoạch dạy học

Để Khung nội dung dạy và học chuyên sâu môn Tiếng Đức này có thể thực hiện được linh hoạt, tăng cường được tính chủ động, sáng tạo cho các trường THPT Chuyên có môn Tiếng Đức.

Việc tổ chức thực hiện riêng các các chuyên đề hay kết hợp nhiều chuyên đề với nhau trong một buổi học hoàn toàn do đội ngũ giáo viên của cơ sở giáo dục cân nhắc và quyết định. Kế hoạch dạy học được xây dựng theo quy định, phù hợp đặc thù riêng của môn học, bảo đảm tuân thủ một số nguyên tắc chung sau đây:

- Hoàn thành Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Đức - Ngoại ngữ 1 do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành.
- Tính khả thi trong kế hoạch giáo dục chung của Nhà trường.
- Chủ động, linh hoạt; phù hợp tùy đối tượng.

2.2. Một số ví dụ chuyên đề minh họa

2.2.1 Chuyển ngữ chức năng (CNCN) Nói

2.2.1.1. Mục tiêu chuyên đề

Chuyên đề Chuyển ngữ chức năng (CNCN) Nói được bố trí vào học kỳ 2 năm lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12. Cơ sở giáo dục phổ thông tự cân nhắc và quyết định rèn luyện năng lực CNCN cho học sinh theo hai chiều hay một chiều, ví dụ: học kỳ 2 năm lớp 11 tập trung rèn luyện chuyển ngữ theo chiều từ Đức sang tiếng Việt; học kỳ 1 năm lớp 12 thì tập trung vào chiều chuyển ngữ từ tiếng Việt sang tiếng Đức.

Sau khi hoàn thành Chuyên đề này, học sinh có thể tóm lược được bằng một ngôn ngữ khác (tiếng Đức hoặc tiếng Việt tùy chiều chuyển ngữ) dưới dạng văn nói những nội dung, thông tin cơ bản của một ngôn bản nguồn về những chủ đề quen thuộc để đạt được một mục đích giao tiếp nhất định, phù hợp với tình huống, bối cảnh và đối tượng giao tiếp.

Yêu cầu về năng lực giao tiếp đối với chuyên đề CNCN Nói là: trên cơ sở hiểu được những nội dung, ý định thông báo cốt lõi của các ngôn bản nguồn ở dạng văn nói, văn viết hoặc kết hợp với các phương tiện truyền thông khác về những chủ đề quen thuộc, học

sinh biểu đạt được những nội dung, ý định thông báo đó bằng một ngôn ngữ khác ở dạng văn nói phù hợp với tình huống, bối cảnh, đối tượng và mục đích giao tiếp.

Dưới đây là một số đề xuất về loại hình bài tập để giáo viên rèn luyện năng lực “giao tiếp chức năng song ngữ, giao tiếp liên văn hóa” cho học sinh.

2.2.1.2. Loại hình bài tập rèn luyện kỹ năng CNCN Nói

Theo Khung tham chiếu chung châu Âu về ngôn ngữ, mục 4.4.4 “Các hoạt động và chiến lược chuyển ngữ chức năng” [nguyên văn tiếng Đức: *Aktivitäten und Strategien der Sprachmittlung (Übersetzen, Dolmetschen)*] tổng hợp những loại hình bài tập chính, thực ra là hướng thiết kế bài tập rèn luyện kỹ năng “chuyển ngữ chức năng” (thuật ngữ tiếng Anh là *language mediation*). Những loại hình bài tập rèn luyện cho học sinh kỹ năng hiểu ngôn bản nguồn, phân tích tình huống giao tiếp, đối tượng giao tiếp và mục đích giao tiếp, từ đó lựa chọn từ ngữ, lựa chọn thông tin và biểu đạt thông điệp của văn bản nguồn bằng một ngôn ngữ khác (ngôn ngữ đích) để duy trì được hoạt động giao tiếp giữa các bên. Các dạng bài CNCN theo đuổi những mục tiêu tổng thể sau đây:

- Chuyển ngữ từ tiếng Việt sang tiếng Đức và ngược lại;
- Chuyển ngữ chức năng phù hợp với đối tượng tiếp nhận thông điệp, tình huống và nội dung giao tiếp;
- Lựa chọn thông tin, nội dung;
- Áp dụng các chiến lược “diễn đạt lại”;
- Áp dụng kiến thức về giao tiếp liên văn hóa trong hoạt động chuyển ngữ.

Về tổng thể có thể có bốn dạng thức cơ bản sau đây của CNCN:

- CNCN Nói (dịch nói/ phiên dịch) những văn bản dạng văn nói (phát biểu, diễn văn, bài giảng, v.v.) sang một ngôn ngữ khác, tức là dạng thức: Nói (văn bản nguồn) – Nói (văn bản đích);
- CNCN Nói những văn bản nguồn dạng văn viết, tức là: Viết (văn bản nguồn) – Nói (văn bản đích);
- CNCN Viết những văn bản dạng văn nói, tức là: Nói (văn bản nguồn) – Viết (văn bản đích);
- CNCN Viết những văn bản dạng văn viết, tức là: Viết (văn bản nguồn) – Viết (văn bản đích).

Dưới đây là một số gợi ý loại hình bài tập rèn luyện kỹ năng Chuyển ngữ chức năng (CNCN) Nói:

- Dịch song song/ dịch đồng thời (ví dụ trong các hội nghị, thảo luận, diễn văn, v.v.);
- Dịch ứng đoạn/ dịch nối tiếp (ví dụ trong các buổi chào mừng, dẫn khách đi tham quan, du lịch, v.v.);

- Dịch trong các tình huống giao tiếp phi chính thức, không mang nặng tính nghi lễ, ví dụ:
- Dịch cho khách tham quan nước ngoài, ví dụ khách Đức, Áo, Thụy Sĩ trong các hoạt động giao tiếp khi họ đến Việt Nam;
- Dịch cho khách tham quan người Việt khi sang khu vực các quốc gia nói tiếng Đức tham quan, du lịch, thăm thân, v.v.;
- Dịch cho các tình huống giao tiếp xã hội và các cơ sở dịch vụ, ví dụ dịch cho bạn bè, người thân, đồng nghiệp khi đi khám bệnh nước ngoài, dịch cho bạn bè, đồng nghiệp người Đức, Áo, Thụy Sĩ trong các dịch vụ liên quan đến tòa án, ý tế, v.v.
- Dịch biên báo giao thông, thực đơn, thông tin quảng cáo, v.v.

Để những loại hình bài tập trên thực sự hữu ích trong việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp xã hội, kỹ năng giao tiếp liên văn hóa cho học sinh, chúng tôi có một số lưu ý như sau:

- Giáo viên tiếng Đức ở các trường THPT chuyên có thể lựa chọn những dạng bài tập luyện kỹ năng CNCN Nói nêu trên sao cho phù hợp với trình độ tiếng của học sinh.
- Các tình huống giao tiếp, còn gọi là các “tình huống chuyển ngữ chức năng”, đối tượng giao tiếp và chức năng, mục đích chuyển ngữ cần phải được mô tả rõ ràng để người đóng vai trò thông dịch có định hướng.
- Khi thiết kế các tình huống chuyển ngữ, giáo viên lưu ý đến tính “sát thực” của tình huống giao tiếp để học sinh, khi đóng vai người thông dịch, hình dung rõ tình huống và có những động tác xử lý phù hợp.
- Khi thiết kế các tình huống chuyển ngữ, giáo viên nên chú ý đến cả những tình huống về liên văn hóa để học sinh có ý thức hơn về việc lựa chọn từ ngữ, lựa chọn phương tiện tu từ cho phù hợp những quy ước, thông lệ giao tiếp đặc trưng văn hóa.
- Giáo viên nên kết hợp với các phương tiện nghe nhìn để tạo ra những bài tập luyện chuyển ngữ chức năng có kết hợp ghi chép thông tin chính, ví dụ xem một video trình bày về một vấn đề nào đó và yêu cầu học sinh ghi chép những nội dung chính theo ý hiểu của mình và sau đó trình bày lại dưới dạng khẩu ngữ cho người nghe bằng một ngôn ngữ khác (tùy theo chiều chuyển ngữ).
- Giáo viên có thể kết hợp các loại hình chuyển ngữ cho phong phú, ví dụ có thể cho trước một văn bản để học sinh đọc hiểu, sau đó tóm lược văn bản dưới dạng gạch đầu dòng và trình bày lại dưới dạng văn nói bằng một ngôn ngữ khác dựa vào phần tóm lược đã hoàn thành. Thông qua dạng bài tập này, học sinh được rèn luyện đọc hiểu, phân tích văn bản, lựa chọn thông tin thông qua các từ khóa, rèn luyện cách tóm lược ý chính và từ đó luyện kỹ năng sản sinh và tái tạo văn bản.
- Ngoài việc chuyển ngữ từ tiếng Việt sang tiếng Đức và ngược lại, giáo viên có thể thiết kế một số bài tập rèn luyện kỹ năng “chuyển ngữ trong nội bộ một thứ tiếng”, ví dụ nghe một bài thuyết trình bằng tiếng Đức và học sinh trình bày dạng tóm

lược ý chính của bài thuyết trình đó bằng lời của mình. Bài tập giúp học sinh có kỹ năng diễn đạt lại ý bằng những từ ngữ, phương tiện tu từ khác.

- Giáo viên cố gắng thiết kế những bài tập, tình huống giao tiếp để có thể đánh giá được cả năng lực giao tiếp phi ngôn từ của học sinh, ví dụ dùng cử chỉ, ánh mắt, nét mặt, v.v. để làm tăng hiệu quả giao tiếp.

- Ngoài chuyển ngữ nối tiếp (phiên dịch ứng đoạn), giáo viên có thể thiết kế các bài tập luyện dịch song song/ dịch đồng thời để học sinh rèn luyện khả năng tư duy và phản xạ ngôn ngữ nhanh nhạy, đồng thời rèn luyện tác phong, bản lĩnh bình tĩnh, tự tin khi xử lý cùng một lúc nhiều thông tin trong ngữ lưu ở hai ngôn ngữ. Nếu thấy hình thức chuyển ngữ này quá sức với học sinh thì cần nhắc để lựa chọn những đề tài quen thuộc để học sinh hiểu được nội dung và từ đó, dùng vốn liếng từ ngữ của mình, biểu đạt thông điệp một cách đơn giản, dễ hiểu cho người nghe bằng một ngôn ngữ khác.

Giáo viên có thể cân nhắc kết hợp các hình thức chuyển ngữ chức năng cho phong phú về bài tập, tạo sự hứng thú cho học sinh và rèn luyện được nhiều kỹ năng phục vụ nhu cầu đa dạng trong thực tiễn học tập và làm việc hiện nay, ví dụ:

NGHE -NHÌN (TIẾP NHẬN)	ĐỌC HIỂU (TIẾP NHẬN)	DỊCH VIẾT (SẢN SINH)	DỊCH NÓI (SẢN SINH)
DỊCH VIẾT/ DỊCH NÓI	DỊCH VIẾT/ DỊCH NÓI	DỊCH NÓI	DỊCH VIẾT

Đối với các kỹ năng thực hành tiếng truyền thống như Nói, Nghe, Đọc, Viết thì giáo viên ngoại ngữ nói chung và giáo viên tiếng Đức nói riêng đều có nhiều sự trợ giúp, đặc biệt là dựa vào sách hướng dẫn giáo viên tiếng Đức do các nhà xuất bản ở khu vực các quốc gia nói tiếng Đức phát hành.

2.2.1.3. Gợi ý cách kiểm tra, đánh giá CNCN Nói

Ở khu vực các quốc gia nói tiếng Đức, các trường phổ thông đặc biệt coi trọng kỹ năng Chuyển ngữ chức năng Nói và Viết trong dạy và học ngoại ngữ. Nhiều trường phổ thông của Đức đã đưa phần Chuyển ngữ chức năng vào thi tốt nghiệp bậc THPT. Trong giới nghiên cứu ở Đức, nhiều chuyên gia phương pháp giảng dạy và nghiên cứu về dịch thuật, thụ đắc ngôn ngữ, vấn đề đa ngữ và đa văn hóa đã có nhiều đề xuất cách kiểm tra, đánh giá sản phẩm CNCN Nói.

Để việc áp dụng kiểm tra đánh giá không quá phức tạp và phù hợp với mục tiêu cao nhất đặt ra hiện nay của các trường THPT chuyên là “nâng cao năng lực ngoại ngữ” cho học sinh, việc kiểm tra, đánh giá sản phẩm CNCN ở ngôn ngữ đích (tiếng Việt hoặc tiếng

Đức tùy theo chiều chuyển ngữ) tập trung vào những phương diện sau đây:

- Phát âm, ngữ điệu (phát âm có rõ ràng, dễ hiểu không, giọng nói, âm sắc có ảnh hưởng đến giao tiếp hay không, có lỗi phát âm, ngữ điệu hay không);
- Sử dụng ngôn ngữ (ngữ pháp, cấu trúc, từ vựng);
- Năng lực tương tác, xử lý tình huống trong quá trình chuyển ngữ (có tham gia được vào hoạt động giao tiếp, biết cách xử lý các tình huống, ví dụ có biết cách giải thích, hỏi lại, lập luận, thuyết phục, v.v.);
- Hoàn thành nhiệm vụ chuyển ngữ đặt ra/ nội dung (mức độ biểu đạt những nội dung giao tiếp theo như yêu cầu đặt, ví dụ văn bản đích có đầy đủ thông điệp của văn bản nguồn, các thông điệp, ý tưởng trình bày mạch lạc, có liên kết chặt chẽ với nhau, v.v.).

Giáo viên tiếng Đức các trường THPT chuyên cần nhắc và tự xây dựng bảng tiêu chí đánh giá với các thang điểm cụ thể sao cho phù hợp với nhóm lớp của mình. Khi xây dựng các tiêu chí đánh giá sản phẩm CNCN Nói, giáo viên cần cân nhắc tính khả thi và phù hợp với đối tượng học sinh cụ thể của mình. Ngoài ra, giáo viên có thể tham khảo tiêu chí chấm thi Nói của các kỳ thi quốc tế tiếng Đức và từ đó có những vận dụng nhất định để đưa vào đánh giá sản phẩm CNCN Nói.

2.2.2 Chuyển ngữ chức năng (CNCN) Viết

2.2.2.1. Mục tiêu chuyên đề

Chuyên đề Chuyển ngữ chức năng (CNCN) Viết được đề xuất bố trí vào học kỳ II lớp 12 với mục đích tập trung rèn luyện cho học sinh năng lực sản sinh, tái tạo văn bản dạng bút ngữ. Cơ sở giáo dục phổ thông tự cân nhắc và quyết định rèn luyện năng lực CNCN cho học sinh theo hai chiều hay một chiều. Các bài tập rèn luyện CNCN Viết tập trung vào chiều chuyển ngữ từ tiếng Việt sang tiếng Đức, nhằm rèn luyện cho học sinh kỹ năng tiếp nhận văn bản bằng tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt) và trên cơ sở đó học sinh rèn luyện kỹ năng biểu đạt nội dung văn bản nguồn bằng ngoại ngữ (tiếng Đức).

Sau khi hoàn thành Chuyên đề này, học sinh có thể tóm lược được bằng tiếng Đức dưới dạng văn viết những nội dung, thông tin cơ bản của các văn bản nguồn bằng tiếng Việt về những chủ đề quen thuộc để đạt được một mục đích giao tiếp nhất định, phù hợp với tình huống, bối cảnh và đối tượng giao tiếp. Cụ thể:

- Học sinh tường thuật lại được bằng ngữ đích dưới dạng văn viết những nội dung, ý định thông báo quan trọng của văn bản ngữ nguồn (văn viết) về những chủ đề mang tính thời sự hoặc bản thân quan tâm; sử dụng được những phương tiện tra cứu phù hợp để hiểu được đúng nội dung văn bản nguồn, từ đó có những chiến lược tái tạo văn bản đích phù hợp, đáp ứng yêu cầu của tình huống và đối tượng giao tiếp.

- Học sinh tường thuật lại được bằng ngữ đích dưới dạng văn viết những nội dung, thông điệp chính của văn bản ngữ nguồn dạng văn nói, ví dụ bài thuyết trình, về những chủ đề học sinh quan tâm hoặc có tính thời sự khi người nói trình bày rõ ràng, mạch lạc, tốc độ nói phù hợp và sử dụng ngôn ngữ thông dụng.

- Học sinh sử dụng được các chiến lược đọc hiểu để lựa chọn thông tin, nhận diện từ khóa, phân tích câu để xác định được nội dung cốt lõi phục vụ cho giai đoạn tái tạo văn bản đích; biết cách ghi chép ý chính để tóm lược được đầy đủ những nội dung chính theo yêu cầu đặt ra; lựa chọn và sắp xếp được mạch lạc các nội dung trong ngôn bản nguồn làm cơ sở để việc chuyển ngữ được rõ ý, đủ ý, dễ hiểu và mạch lạc.

- Học sinh biết cách phân tích nhiệm vụ chuyển ngữ đặt ra để hiểu chính xác tình huống và bối cảnh giao tiếp, chức năng văn bản đích, ví dụ: văn bản đích cần phải có những thông tin gì? Ai là người tiếp nhận văn bản đích? Từ đó học sinh áp dụng được những chiến lược tái tạo văn bản phù hợp để thực hiện được yêu cầu chuyển ngữ đặt ra, ví dụ khi cần thì thêm, bớt từ ngữ, chú giải bổ sung, sử dụng những từ ngữ khác để biểu đạt ý cho dễ hiểu đối với một đối tượng giao tiếp cụ thể, v.v.

- Học sinh nhận diện được một số tình huống có sự khác biệt về văn hóa khi sử dụng phương tiện tu từ trong văn bản nguồn và bước đầu có cách xử lý phù hợp, ví dụ hỏi chuyên gia, tra cứu thêm để hiểu đúng nội hàm và từ đó có cách biểu đạt phù hợp, ví dụ có thể đề xuất một phương án chuyển ngữ tạm thời.

Văn bản nguồn có thể ở dạng bút ngữ, khẩu ngữ và văn bản đích ở dạng bút ngữ như vậy, hai chuyên đề là CNCN Nói và CNCN Viết, nhưng trong thực tế lúc nào cũng có sự kết hợp, đan xen giữa các kỹ năng khác nhau, đó là sự kết hợp các kỹ năng Viết – Viết, Nói – Viết, kết hợp kỹ năng tiếp nhận văn bản và kỹ năng sản sinh/ tái tạo văn bản.

2.2.2.2. Loại hình bài tập rèn luyện kỹ năng CNCN Viết

Dưới đây là những gợi ý tổng quan nhất theo Khung tham chiếu CEFR về những dạng bài tập cơ bản rèn luyện kỹ năng CNCN Viết cho người học:

- Dịch chính xác và đầy đủ nội dung của văn bản nguồn sang văn bản đích, ví dụ dịch các điều khoản hợp đồng, thỏa thuận, điều luật, nội dung của các văn bản khoa học, v.v.;

- Dịch văn học, ví dụ dịch tiểu thuyết, kịch, thơ, v.v.;

- Dịch tóm lược những nội dung cốt lõi của những văn bản trọng tin như báo chí, tạp chí bằng một thứ tiếng (ví dụ: tóm lược nội dung chính một văn bản tiếng Đức bằng những từ ngữ khác cũng bằng tiếng Đức, còn gọi là “dịch nội ngữ”) hoặc dịch tóm lược nội dung chính một văn bản từ tiếng Việt sang tiếng Đức, còn gọi là “dịch liên ngữ”);

- Viết lại văn bản, ví dụ dùng những từ ngữ, những phương tiện tu từ khác để biến những văn bản chuyên ngành thành một văn bản có tính phổ thông thường thức.

Đề chuyên đề CNCN Viết thực sự góp phần nâng cao năng lực tiếng tổng hợp cho học sinh, nên lựa chọn hai loại hình bài tập sau đây:

- Dịch tóm lược nội dung cốt lõi từ tiếng Việt sang tiếng Đức, tức là chỉ tập trung vào dịch “liên ngữ”. Khi đó, giáo viên có thể lựa chọn nhiều văn bản nguồn khác nhau, ví dụ văn bản trọng tin, văn bản biểu cảm, văn bản quảng cáo, văn bản hỗn hợp để học sinh luyện cách tóm lược nội dung cốt lõi của văn bản nguồn tiếng Việt bằng tiếng Đức. Loại hình bài tập này sẽ giúp học sinh thấy việc chuyển ngữ không khó vì họ có nhiều dư địa để sáng tạo, họ có nhiều tự do trong lựa chọn từ ngữ, phương tiện tu từ diễn đạt một nội dung nhất định.

- Viết lại văn bản: đây là một kỹ năng có thể nói là cơ bản nhất của quá trình dạy và học ngôn ngữ nói chung và dạy, học ngoại ngữ nói riêng. Thông qua các bài tập “diễn đạt lại nội hàm văn bản bằng những từ ngữ khác”, giáo viên tiếng Đức ở trường THPT chuyên đánh giá được khả năng tiếp nhận văn bản và sản sinh văn bản bằng ngoại ngữ của học sinh. Giáo viên chỉ cần chọn một văn bản tiếng Đức cụ thể và yêu cầu học sinh viết lại văn bản đó để phù hợp với một đối tượng giao tiếp khác, ví dụ yêu cầu học sinh nghe một cuộc trao đổi, trò chuyện bằng tiếng Đức (văn nói) và dùng văn phong bút ngữ, viết lại nội dung cuộc trò chuyện đó bằng tiếng Đức.

Loại hình “tóm lược văn bản” là một loại hình bài tập đặc biệt được yêu thích trong dạy và học ngoại ngữ ở nhiều trường phổ thông ở Đức vì sự “đa chức năng” của loại hình này.

2.2.2.3. Gợi ý cách kiểm tra, đánh giá CNCN Viết

Các tiêu chí gợi ý cách kiểm tra, đánh giá CNCN Viết (ví dụ: tóm lược văn bản) tương tự như các tiêu chí kiểm tra, đánh giá CNCN Nói. Việc kiểm tra, đánh giá tập trung vào hai phương diện là Ngôn ngữ và Nội dung:

B1	PHƯƠNG DIỆN “NGÔN NGỮ”
6 (điểm)	<ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng được một cách chắc chắn vốn từ ngữ rộng liên quan đến các chủ đề, chủ điểm bản thân quan tâm.
5	<ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng được đa phần chính xác vốn từ ngữ rộng liên quan đến các chủ đề, chủ điểm bản thân quan tâm.

4	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng được vốn từ ngữ rộng liên quan đến các chủ đề, chủ điểm bản thân quan tâm, tuy còn mắc một số lỗi, nhưng không ảnh hưởng nghiêm trọng đến giao tiếp.
3	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng được vốn từ ngữ đơn giản liên quan đến các chủ đề, chủ điểm bản thân quan tâm, mắc nhiều lỗi, có cả những lỗi nghiêm trọng, nhưng về cơ bản thì hoạt động giao tiếp vẫn được đảm bảo.
2	<ul style="list-style-type: none"> Chỉ sử dụng được một vốn từ ngữ hạn chế liên quan đến các chủ đề, chủ điểm bản thân quan tâm, mắc nhiều lỗi nghiêm trọng, hoạt động giao tiếp bị ảnh hưởng một cách rõ rệt.
1	<ul style="list-style-type: none"> Chỉ sử dụng được một vốn từ ngữ rất hạn chế liên quan đến các chủ đề, chủ điểm bản thân quan tâm, mắc rất nhiều lỗi nghiêm trọng, hoạt động giao tiếp bị ảnh hưởng nghiêm trọng.
0	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng được rất hạn chế vốn từ ngữ liên quan đến các chủ đề, chủ điểm bản thân quan tâm; hoạt động giao tiếp bị ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng, thậm chí có lúc hai bên hoàn toàn không hiểu nhau.
B1	PHƯƠNG DIỆN “NỘI DUNG”
4 (điểm)	<ul style="list-style-type: none"> Những tình huống giao tiếp quen thuộc được nhận diện và biểu đạt một cách rất đầy đủ, nhiệm vụ chuyển ngữ đặt ra hoàn thành trọn vẹn hoàn toàn. Hoàn toàn đảm bảo được sự truyền tải thông tin trong các cuộc trao đổi tương đối dài về những chủ đề quen thuộc và đảm bảo được sự tương tác với người tiếp nhận thông tin. Những điểm hạn chế về ngôn ngữ được xử lý, điều tiết bằng những cách giải thích đơn giản, những thủ pháp thay thế trong chuyển ngữ được áp dụng một cách rất thường xuyên.
3	<ul style="list-style-type: none"> Những tình huống giao tiếp quen thuộc được nhận diện và biểu đạt một cách đầy đủ, nhiệm vụ chuyển ngữ đặt ra hoàn thành trọn vẹn. Đảm bảo được sự truyền tải thông tin trong các cuộc trao đổi tương đối dài về những chủ đề quen thuộc và đảm bảo được sự tương tác với người tiếp nhận thông tin một cách trọn vẹn. Những điểm hạn chế về ngôn ngữ được xử lý, điều tiết bằng những cách giải thích đơn giản, những thủ pháp thay thế trong chuyển ngữ được áp dụng một cách thường xuyên.

2	<ul style="list-style-type: none"> Những tình huống giao tiếp quen thuộc được nhận diện và biểu đạt tương đối đầy đủ, nhiệm vụ chuyển ngữ đặt ra hoàn thành tương đối trọn vẹn. Đảm bảo được sự truyền tải thông tin trong các cuộc trao đổi tương đối dài về những chủ đề quen thuộc và sự tương tác với người tiếp nhận thông tin tương đối trọn vẹn. Những điểm hạn chế về ngôn ngữ được xử lý, điều tiết bằng những cách giải thích đơn giản, những thủ pháp thay thế trong chuyển ngữ được áp dụng một cách tương đối thường xuyên.
1	<ul style="list-style-type: none"> Những tình huống giao tiếp quen thuộc được nhận diện và chỉ biểu đạt được phần nào, nhiệm vụ chuyển ngữ đặt ra hoàn thành một phần rất nhỏ. Hầu như không đảm bảo được sự truyền tải thông tin trong các cuộc trao đổi tương đối dài về những chủ đề quen thuộc và sự tương tác với người tiếp nhận thông tin. Hầu như không biết cách xử lý, điều tiết những điểm hạn chế về ngôn ngữ.
0	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn toàn không nhận diện và biểu đạt được thông điệp trong những tình huống giao tiếp quen thuộc, hoàn toàn không hoàn thành nhiệm vụ chuyển ngữ đặt ra. Hoàn toàn không đảm bảo được sự truyền tải thông tin trong các cuộc trao đổi tương đối dài về những chủ đề quen thuộc và sự tương tác với người tiếp nhận thông tin. Hoàn toàn không biết cách xử lý, điều tiết những điểm hạn chế về ngôn ngữ.

Ngoài ra, giáo viên tiếng Đức ở trường THPT chuyên có thể tham khảo cách đánh giá kỹ năng Viết của các kỳ thi tiếng Đức quốc tế để xây dựng tiêu chí và thang điểm đánh giá năng lực CNCN Viết của học sinh cho phù hợp, ví dụ có thể đưa ra những tiêu chí riêng và thang điểm để đánh giá về nội dung, bố cục và liên kết văn bản, từ vựng và cú pháp.

Để đánh giá được chính xác, khách quan năng lực CNCN Viết của học sinh, giáo viên cần đưa ra những tình huống giao tiếp cụ thể và mô tả rõ ràng, dễ hiểu và đầy đủ nhiệm vụ chuyển ngữ để có nhiều những tiêu chí “định lượng” khả tín.